TAND HUYỆN BÌNH SƠN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 23/5/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba

Ông Bùi Quốc Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2018, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1981.

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Q.

Nơi cư trú: Số 98/1, đường Quỳnh Lưu, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Q.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr, sinh năm 1981.

Nơi ĐKHKTT: phường Quảng P, thành phố Q, tỉnh Q.

Nơi cư trú: Số 98/1, đường Quỳnh Lưu, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Q.

Các bên đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2018, bản tự khai ngày 11/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr sau quá trình tìm hiểu, được sự cho phép của hai bên gia đình nên tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Quảng P, thành phố Q vào ngày 20/4/2007.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị kinh doanh buôn bán nhưng bị thất bại nhưng vẫn làm kiếm tiền lo cho các con, còn anh Tr đi nhận các công trình xây dựng và có thu nhập cao nhưng không có trách nhiệm gì với gia đình. Anh Tr đi làm từ sáng đến tối mới về, lúc về thì say xỉn, khi chị hỏi thì anh Tr có hành vi bạo lực với chị nhiều lần. Chị được biết anh Tr có ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Kh, sinh ngày 06/01/2007 và Nguyễn Ngọc Thiên Ph, sinh ngày 22/4/2008, hiện hai cháu đang sống với vợ chồng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh Tr cấp dưỡng một lần với số tiền là 200.000.000đồng *(hai trăm triệu đồng*).

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ của vợ chồng.

Tại bản tường trình không đề ngày, tháng, năm, biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Tr về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Việc chị Tr trình bày về mâu thuẫn vợ chồng là không đúng.Vì từ trước đến giờ, anh là người lao động chính trong gia đình để đem tiền về cho chị Tr nuôi con. Từ khi kết hôn đến nay, anh tạo điều kiện về tiền bạc để chị Tr kinh doanh buôn bán nhưng đều thất bại. Chị Tr không có tiền để một mình nuôi con như chị Tr trình bày. Các con chung từ khi sinh ra cho đến nay, anh là người trực tiếp chu cấp tiền bạc để chị Tr nuôi con.Đến khoảng 6 tháng trở lại đây, anh phát hiện chị Tr có biểu hiện ngoại tình nên không chu cấp tiền cho chị Tr nữa mà chỉ cấp tiền cho các con ăn sáng vì muốn chị Tr lo cho các con, bớt thời thời gian ngoại tình. Anh thừa nhận có đánh chị Tr 3 lần nhưng đều là do lỗi phát sinh từ chị Tr. Việc chị Tr cho rằng anh thường xuyên say xỉn, đánh chị Tr và ngoại tình với người phụ nữ khác là không có, hoàn toàn bịa đặt.

Nay chị Tr khởi kiện xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn chị Tr.

Về con chung: Việc chị Tr yêu cầu được nhận nuôi dưỡng hai con là Nguyễn Ngọc Bảo Kh, Nguyễn Ngọc Thiên Ph, yêu cầu anh cấp dưỡng một lần nuôi hai con với số tiền là 200.000.000đồng, anh không đồng ý. Anh không đồng ý để chị Tr nuôi hai con vì chị Trang không có khả năng về kinh tế. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng mỗi cháu, còn việc nuôi dưỡng cháu nào là do Hội đồng xét xử quyết định để đảm bảo quyền lợi cho các con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyên ly hôn giữa chị Tr và anh Tr. Về con chung: Giao cho chị Tr và anh Tr, mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng mỗi cháu; giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Thiên Ph cho anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị Tr và anh Tr không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/4/2007, chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quảng P, thành phố Q, tỉnh Q nên quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau về việc ngoại tình nên thường xuyên cãi vã. Trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Tr và anh Tr đều thuận tình ly hôn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Việc thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Tr là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.2] Về con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của hai bên đều chính đáng.Hiện nay chị Tr làm nghề thợ may, thu nhập không ổn định, còn anh Tr làm nghề thầu xây dựng, có thu nhập ổn định.Vợ chồng anh chị đang ở nhà thuê, không có nhà ở ổn định. Nếu giao cả hai con cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ không đảm cho sự phát triển về mọi mặt của các con chung.Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị Tr và anh Tr, mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng mỗi cháu; giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Thiên Ph cho anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[1.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Vì chị Tr và anh Tr mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[1.4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về nợ chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Tr, anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr xác định không có nợ chung và cũng không có ai yêu cầu vợ chồng anh, chị về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tại điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chị được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[1.7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo Kh, sinh ngày 06/01/2007 cho chị Nguyễn Thị Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.1. Giao con chung Nguyễn Ngọc Thiên Ph, sinh ngày 22/4/2008 cho anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr, chị Nguyễn Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Tr, anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tr, anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002500 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q; Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Tr, anh Nguyễn Hữu Nguyên Tr có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2019).

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Q;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *UBND phường Quảng P, TP. Q, tỉnh Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đình Chung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Ba **Bùi Quốc Thìn** **Võ Đình Chung**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Thuận **Nguyễn Văn Thạch** **Võ Đình Chung**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện Bình Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Tạ Văn Minh **Bùi Tấn Sinh** **Võ Đình Chung**

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
tọa phiên tòa
- VKSND, THADS huyện Bình Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ

Võ Đình Chung